

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
PHẨM HÀ NỘI**

Số: 20/ BC - CIMS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- | | |
|---|--|
| - Tên giao dịch | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | 0101337659 |
| - Vốn điều lệ | 62.909.000.000 đ |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 62.909.000.000 đ |
| - Địa chỉ | 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội |
| - Số điện thoại | 0243.5130669/ 5134588 |
| - Số fax/ | 0243.8511280 |
| - Website; | www.hanoipharma.com.vn |
| - Mã cổ phiếu (nếu có) | DHN |
- Quá trình hình thành và phát triển, ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay
- Ngày thành lập: 01/01/2003 theo QĐ 8103/QĐ-UBND chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
 - Đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán **DHN** tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/03/2018
 - Đăng ký giao dịch cổ phiếu **DHN** tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018
 - Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: **62.909.000.000 đồng**
 - Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ năm, ngày 19/04/2018
 - Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: **10.500 đồng/cổ phiếu**
- Các sự kiện khác: không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Sản xuất kinh doanh thuốc y tế phòng, chữa bệnh cho người, nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm trang thiết bị y tế.

- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm.
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng.
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
- Trụ sở giao dịch : 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Nhà máy : Lô 15 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý : Đại hội đồng cổ đông- Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: SXKD thuốc y tế phòng chữa bệnh cho người
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nhà máy Dược đạt GMP-WHO, ISO.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tuân thủ theo đúng các qui định về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng trong khu công nghiệp Quang Minh

5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh.): không có

II. Tình hình hoạt động trong năm/

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

TT	Nội dung	KH năm nay	Thực hiện năm nay	Tỷ lệ TH/KH năm nay
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	69 906 000 000	74 674 376 423	106.82
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	8 880 000 000	11 515 888 888	129,68
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8 935 000 000	10 100 434 870	113.04
4	Cổ tức	11%	11%	100%
5	Lương Bq/người/tháng	8 500 000	8 900 000	105%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác

Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần
Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám Đốc	0%
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám Đốc	0.07%
Bà Phạm Thị Minh Trang	Quyền Kế toán trưởng	0%
Bà Nguyễn Phú Bình	Giám đốc nhà máy	0%
Bà Nguyễn Lan Hương	Giám đốc quản lý chất lượng	0.01%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

- Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Nhung – Kế toán trưởng
- Bổ nhiệm bà Phạm Thị Minh Trang – Quyền kế toán trưởng

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tính đến 31/12/2020: có 74 cán bộ công nhân viên
- Chính sách về hợp đồng lao động và đóng BHXH cho người lao động theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật Bảo hiểm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): *không có*

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): *không có*

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị Tài sản	107 088 646 686	89 493 498 586	84%
2	Doanh thu thuần bán HH, DV	69 280 096 880	74 668 926 223	108%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	8 686 888 888	11 515 888 888	133%
4	Lợi nhuận khác	42 197 748	- 1 415 454 018	-3354%
5	Lợi nhuận trước thuế	8 729 086 636	10 100 434 870	116%
6	Lợi nhuận sau thuế	7 889 457 508	8 396 836 973	106%

Luan

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,18	3,94	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,27	2,69	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,33	0,18	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,49	0,22	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,53	2,40	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản	0,65	0,83	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,11	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,29	0,35	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần: **6.290.900 Cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành: **Cổ phiếu phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **6.290.900 Cổ phần**
- Số lượng Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0 Cổ phần**

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Kuan

Danh sách	Cổ đồng lớn (>5%)	Cổ đồng tổ chức/ cá nhân	Cổ đồng trong nước/ nước ngoài	Cổ đồng nhà nước/ cổ đồng khác	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	X	Tổ chức	Trong nước	Nhà nước	2.516.360	40%
Nguyễn Đăng Khoa	X	Cá nhân	Trong nước		658.824	10.47%
Nguyễn Phương Thảo	X	Cá nhân	Trong nước		320.000	5.09%
Nguyễn Đức Thắng	X	Cá nhân	Trong nước		606.222	9.64%
Đỗ Thị Nga	X	Cá nhân	Trong nước		1.146.462	18.22%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)

ĐVT: Tỷ đồng

Thời gian	Quyết định	Nội dung	Vốn đầu tư	Vốn Nhà nước	Vốn Cổ đồng khác
27/11/2002	8103 – UBND	Chuyển đổi từ Xí nghiệp sang Công ty Cổ phần	7.9	3.16	4.74
15/12/2005	Đại hội cổ đông bất thường 2005	Tăng 10 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành Cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	17.9	7.16	10.74
10/06/2007	Đại hội cổ đông thường niên 2006	Tăng 3 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	20.9	8.36	12.54
18/9/2012	Đại hội cổ đông bất thường 2012	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, lệ 1:2.01	62.909	25.1636	37.7454

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: *không có*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: *không có*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.: 35.388.418.407 VNĐ
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 655.908 kw điện/năm
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 12.420 m³ /năm, nước sạch do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội
- b) lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

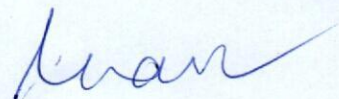
- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VNĐ

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
- Số lượng lao động trung bình: 80 người
 - Lương trung bình: 8.900.000 VNĐ / người/ tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Trong năm có tổ chức khám bệnh định kỳ tất cả công nhân viên.
 - Mua bảo hiểm con người cho toàn bộ công nhân
 - Mua và phát bảo hộ cho người lao động đúng chế độ qui định
 - Công đoàn phối hợp chính quyền tổ chức đưa cán bộ nhân viên đi nghỉ mát dịp hè
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công nhân trực tiếp sản xuất đào tạo 48 giờ/năm/người
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thuê chuyên gia hướng dẫn, cập nhật, bổ sung kiến thức về thực hành tốt SX thuốc, bảo quản thuốc và Kiểm nghiệm thuốc kịp thời cho người lao động

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Chi ủng hộ mẹ VNAH – Lê Thị Bồng



6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có): Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra
- Những tiến bộ công ty đã đạt được: không có

2. Tình hình tài chính/

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

- Đầu tư mua sắm TSCĐ mới: Phụ tùng Đầu nén khí Hitachi: 94.600.000 VNĐ
- Trong năm 2020, giảm Khấu hao của hàng loạt các máy móc thiết bị mua từ 2010.
- Công ty không phát sinh nợ xấu

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Dư nợ phải trả cuối kỳ: 139.986.000 VNĐ – Tiền hàng gia công chưa sản xuất
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: hướng tới xây dựng nhà máy đạt chuẩn ISO, xây dựng thêm nhiều dây chuyền sản xuất mới phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không có (Kiểm toán chấp nhận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Chỉ tiêu		Văn phòng La Thành	Nhà máy Quang Minh
Tiêu thụ nước		Khoảng 384 m ³ / năm	Khoảng 12.036 m ³ / năm
Tiêu thụ điện		Khoảng 81.708 kWh/ năm	Khoảng 574.200 kWh/ năm
Phát thải	Nước thải	Không có	Khoảng 4.080 m ³ / năm
	Chất thải nguy hại	Không có	Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- 31/12/2020, Tổng lao động trong công ty là 74 người, trong đó có: 1 cao đẳng, 9 cử nhân, 29 Dược sỹ (trung cấp và đại học), 10 Dược tá, 5 kỹ sư, 3 lái xe, 11 lao động phổ thông, 5 thạc sỹ

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn phòng chống dịch Covid 19 trong Doanh nghiệp
- Hoàn thành các nghĩa vụ địa phương giao phó
- Nghiêm túc thực hiện công tác bảo vệ, PCCC cả ngày thường và lễ tết.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: đã hoàn thành

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: đã hoàn thành mục tiêu Lợi nhuận sau thuế, cổ tức mà Đại hội cổ đông đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Ổn định các thể mạnh hiện tại của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, phát triển thuốc mới, dây chuyền mới, thị trường mới.
- Hướng tới nhà máy đạt chuẩn ISO.
- Nâng cao Lợi nhuận, thương hiệu của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác): **Phụ lục 01**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Luân

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	63/NQ-HĐQT	05/03/2020	- Phê duyệt KQKD 2019 - Phê duyệt phương hướng hoạt động 2020 - Dự kiến họp Đại hội cổ đông thường niên 2019 vào ngày 28/4/2020	100%
2	64/NQ-HĐQT	1/4/2020	- Huỷ họp ĐHCĐ thường niên 2019 ngày 28/4/2020	100%
3	65/NQ-HĐQT	16/5/2020	- Dự kiến họp Đại hội cổ đông thường niên 2019 ngày 26/6/2020	100%
4	66/NQ-HĐQT	21/5/2020	- Phê duyệt nội dung bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông thường niên 2019 ngày 26/6/2020	100%
5	67/NQ-HĐQT	3/6/2020	- Phê duyệt nội dung bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông thường niên 2019 ngày 26/6/2020 - Trả cổ tức 3% 2019 và 8% 2020	100%
6	70/ NQ-HĐQT	16/7/2020	- Bầu ông Đinh Quang Hào làm Chủ tịch HĐQT đến hết nhiệm kỳ IV (2016-2020)	100%
7	71/NQ-HĐQT	29/9/2020	- Thông qua KHTC 2021 - Miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Nhung - Bổ nhiệm bà Phạm Thị Minh Trang làm quyền Kế toán trưởng - Chọn công ty Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán BCTC năm 2020	100%
8	72/NQ-HĐQT	17/12/2020	- Bầu ông Nguyễn Việt Cường làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ V (2021-2025)	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	30/12/2020	0.002%
2	Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	10/12/2020	0.01%

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày Bỏ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
3	Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	10/12/2020	5%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	BKS-CT	22/2/2020	- BC kiểm soát hoạt động của công ty 6 tháng cuối năm 2019	100%
2	01/BBH-BKS	30/12/2020	- Bầu ông Ngô Hồng Minh làm trưởng BKS	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ): **Phụ lục 02**

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: **Phụ lục 03**

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Thực hiện đúng Luật doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Điều lệ công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

Tran

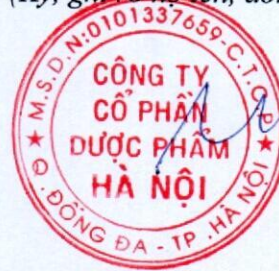
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).: **File đính kèm**

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Phạm Thị Tuân

Phụ lục 01: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP	Loại hình
Bà Phạm Thị Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 16/7/2020	0%	Ban điều hành
	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT ngày 10/12/2020		
Ông Đinh Quang Hào	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/7/2020 Miễn nhiệm ngày 10/12/2020	0.07%	Ban điều hành
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 10/12/2020	0%	Ban điều hành
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/12/2020	15%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 10/12/2020	20%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020	18.22%	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020	5.09%	Cổ đông lớn

Phụ Lục 02: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

ĐVT: VNĐ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Phụ cấp khác	Phụ cấp HĐQT/ BKS	Tổng
Phạm Thị Tuấn	Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	341.874.002	429.520.494	24.000.000	110.239.824	905.634.320
Đinh Quang Hào	Phó tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT	204.970.030	259.395.569	24.000.000	91.999.854	580.365.453
Nguyễn Thị Nhung	Nguyên Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT	199.276.155	273.473.524		91.999.854	564.749.533
Nguyễn Lan Hương	Giám đốc chất lượng kiêm thành viên BKS	175.681.414	236.146.613	1.800.000	70.111.889	483.739.915
Nguyễn Phú Bình	Giám đốc nhà máy	203.322.868	265.945.545	1.800.000		471.068.413
Phạm Thị Minh Trang	Quyền kế toán trưởng	83.613.194	105.967.695			189.580.889
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT				91.999.854	91.999.854
Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên BKS				77.463.662	77.463.662

Handwritten signature

Phụ lục 03: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
1	Phạm Thị Tuấn	Tổng giám đốc	001155004420 cấp ngày 4/3/2016	139.298	0	0	
1.1	Dương Thúy Hằng		001185003374 Cấp ngày 19/12/2014	620.621	0	0	Con đẻ
1.2	Đinh Quang Hào	Phó Tổng giám đốc	001080011053 Cấp ngày 01/07/2020	130.105	4.200	0.07%	Con rể
2	Nguyễn Thị Nhung	Nguyên Kế toán trưởng	001154000350 cấp ngày 17/3/2014	314.545	0	0	
2.1	Phạm Anh Đức		001098015782 cấp ngày 08/07/2016	120.142	0	0	Con đẻ
2.2	Phạm Thị Minh Trang	Q. Kế toán trưởng	001191015325 cấp ngày 12/09/2019	120.142	0	0	Con đẻ

Phạm

